

Bản án số: **46/2017/ HNGĐ –ST**

Ngày: 21 / 6 /2017

Về việc: “*Ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Tháo.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Nguyễn Thiện Nhân;

2. Trần Thanh Phong.

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Trần Minh Quyền – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Ngân-Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án đã thụ lý số: 69/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2017 về tranh chấp “*Ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 12/5/2017 giữa các đương sự:

1) *Nguyên đơn:* **Lê Thị P**, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã BT, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

2) *Bị đơn:* **Trần Văn L**, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã BT, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

3) *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín –Chi nhánh Bến Tre-Phòng giao dịch BÐ.**

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn BÐ, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

Ngân hàng có đơn không yêu cầu giải quyết đề ngày 19 tháng 4 năm 2017.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 28/11/2016 và những lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị P trình bày như sau:*

Chị và anh Trần Văn L cưới nhau vào năm 1990, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Bình Thắng vào năm 1996. Quá trình chung sống có hạnh phúc đến năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L thường xuyên nhậu nhẹt, hành hạ ngược đãi vợ con, gia đình hay xảy ra xung đột. Vì vậy, chị P và anh L ly thân từ năm 2011 cho đến nay, trong thời gian ly thân, các bên có tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không được. Nay chị không còn tình cảm với anh L, nên chị yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn L.

Về con chung: Anh L và chị P có 02 con chung là Trần thị Tham M, sinh ngày 05/10/1990 và Trần Thị Diễm M, sinh ngày 06/02/2001. Chị yêu cầu nuôi cháu Diễm M và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Riêng đối với cháu Tham M đã trưởng thành nên chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Anh L và chị P nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)- Phòng giao dịch BD số tiền 600.000.000 đồng

* Anh Trần Văn L vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BD phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng:

Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định.

Nguyên đơn chấp hành tốt quy định bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị P đối với anh Trần Văn L.

Về con chung: Anh L và chị P có 02 con chung là Trần thị Tham M, sinh ngày 05/10/1990 và Trần Thị Diễm M, sinh ngày 06/02/2001. Nhận thấy cháu Diễm M được chị P nuôi dưỡng và phát triển bình thường khỏe mạnh và phù hợp với nguyện vọng của cháu Diễm M, nên tiếp tục giao cháu Diễm M cho chị P tiếp tục nuôi

đưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay cháu Tham M đã trưởng thành nên chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến

Về tài sản chung: Chị P không có yêu cầu, nên không xét đến.

Về nợ chung: Anh L và chị P nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)- Phòng giao dịch BĐ số tiền 600.000.000 đồng. Ngân hàng có đơn không yêu cầu giải quyết số nợ trên trong cùng vụ án ly hôn giữa anh L và chị P, nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, lời trình bày của nguyên đơn, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng*: Anh Trần Văn L là bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*

1) *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị P và anh Trần Văn L cưới nhau vào năm 1990, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Bình Thắng vào năm 1996 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

2) Quá trình chung sống có hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị P trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do anh L thường xuyên nhậu nhẹt, hành hạ ngược đãi vợ con, gia đình hay xảy ra xung đột, chị P có khuyên anh L thay đổi, nhưng anh L vẫn không thay đổi. Vì vậy chị P và anh L đã ly thân từ năm 2011 cho đến nay.

3) Qua xác minh thì đại diện Ấp 4, xã BT xác nhận cuộc sống vợ chồng của chị anh L và chị P thời gian đầu có hạnh phúc. Nhưng khoảng thời gian 03 năm nay, anh L thường xuyên nhậu nhẹt, dẫn đến vợ chồng anh L và chị P thường xuyên cãi nhau, chính quyền địa phương có hòa giải hàn gắn nhưng không thành.

4) Mặt khác, tuy anh L đã được triệu tập đến lần 2 để xét xử nhưng anh L vẫn vắng mặt, điều đó chứng tỏ anh L không còn muốn hàn gắn cuộc sống hôn nhân với chị P.

5) Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị P và anh L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn L là phù hợp với Điều 56 luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

6) *Về con chung*: Chị P và anh L có 02 người con chung là Trần thị Tham M, sinh ngày 05/10/1990 và Trần Thị Diễm M, sinh ngày 06/02/2001. Hiện nay cháu Tham M đã trưởng thành nên chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến. Riêng đối với cháu Diễm M, Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Diễm M được chị P nuôi dưỡng và phát triển bình thường khỏe mạnh và phù hợp với nguyện vọng của cháu Diễm M, nên tiếp tục giao cháu Diễm M cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

7) *Về tài sản chung*: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

8) *Về nợ chung*: Anh L và chị P nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)- Phòng giao dịch BD số tiền 600.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy Ngân hàng có đơn không yêu cầu giải quyết số nợ trên trong cùng vụ án ly hôn giữa anh L và chị P, nên không xét đến. Khi nào ngân hàng có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

9) *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm* theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chị P phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị P đối với anh Trần Văn L. Chị P được ly hôn với anh L. Quan hệ hôn nhân của chị P và anh L chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Chị P và anh L có 02 người con chung là Trần thị Tham M, sinh ngày 05/10/1990 và Trần Thị Diễm M, sinh ngày 06/02/2001. Hiện nay cháu Tham M đã trưởng thành, nên không xét đến.

Chị P được tiếp tục nuôi cháu Diễm M. Ghi nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Anh L không trực tiếp nuôi cháu Diễm M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích con, theo yêu cầu của cha, mẹ, cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)- Phòng giao dịch BÐ không yêu cầu giải quyết khoản nợ vay số tiền là 600.000.000 đồng trong cùng vụ án ly hôn giữa anh L và chị P, nên không xét đến. Khi nào ngân hàng có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010388 ngày 24/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BÐ, tỉnh Bến Tre. Vậy án phí chị Lê Thị P đã nộp đủ.

Chị Lê Thị P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Trần Văn L vắng mặt cũng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo luật định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện BÐ;
- Chi cục THADS huyện BÐ;
- Ủy ban nhân dân xã BT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Văn Tháo

